

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/RITA/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA**

Địa chỉ: số 8, Đại Lộ Thống Nhất- KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3784788

Mã số doanh nghiệp : 3700.574.950

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 188/2016/ATTP-CNDK Ngày Cấp/Nơi cấp: 23/05/2016, Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Bình Dương



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC ÉP MĂNG CẦU**

2. Thành phần: Nước, nước ép măng cầu (30%), đường, chất điều chỉnh độ chua (E330), chất chống oxy hóa (E300), hương măng cầu tổng hợp.

(Ingredients: Water , Soursop Juice (30%), Sugar , Citric Acid, Ascorbic Acid , Soursop Flavor.)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên hộp giấy

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được vô hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm với thể tích thực là 200 ml, 250 ml, 330 ml, 500 ml, 1lít hoặc theo yêu cầu khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ GIẢI KHÁT RITA

Địa chỉ: số 8, Đại Lộ Thống Nhất- KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3784788

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

Nhãn được thực hiện theo đúng quy định tại nước nhập khẩu

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn QCVN 6-2: 2010/ BYT

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 17 tháng 07 năm 2019

GIÁM ĐỐC



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2019-00051568
Mã số kết quả: AR-19-VD-058976-01-VI / EUVNHC-00072849



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA

Số 8, Đại Lộ Thống Nhất
Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An
Thị Xã Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Tên mẫu: Nước ép măng cầu
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu: 01/07/2019
Thời gian thử nghiệm: 01/07/2019 - 12/07/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 15/07/2019
Mã số PO của khách hàng: I2N2190701212



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD337 VD (a)(f) <i>Coliforms</i>	cfu/ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD352 VD (a)(f) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD384 VD (a) <i>Tổng số nấm men, nấm mốc</i>	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD0GA VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ml	Ref EN ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD0G4 VD (a) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	cfu/ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD0G8 VD <i>Faecal Streptococci (enterococci)</i>	cfu/ml	Ref TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD129 VD <i>Carbohydrates</i>	g/100 ml	AOAC 986.25 mod.	11.5
10	VD157 VD (a) <i>Xơ dinh dưỡng</i>	g/100 ml	AOAC 991.43	0.39
11	VD165 VD (a)(f) <i>Béo</i>	g/100 ml	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)
12	VD263 VD (a)(f) <i>Protein</i>	g/100 ml	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
13	VD304 VD (a)(f) Đường tổng	g/100 ml	Ref. AOAC 977.20	10.7
14	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 ml	FAO 2013 77	46
15	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	Không phát hiện (LOD=0.005)
17	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD009 VD (a)(d) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/100 ml	AOAC 2012.21 mod	37.7
19	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	g/100 ml	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	92.9
20	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	g/100 ml	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.10
21	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/kg	AOAC 994.10 mod	Không phát hiện (LOD=10)
22	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/l	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-010) (Ref. AOAC 968.08 (2011))	55.6
23	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/l	AOAC 969.23	53.2
24	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/l	AOAC 969.23	540
25	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.4)
26	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
27	VDVDD VD Vitamin D	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0185) Tính toán	Không phát hiện (LOD=0.2)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương VT
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương VT 15/07/2019

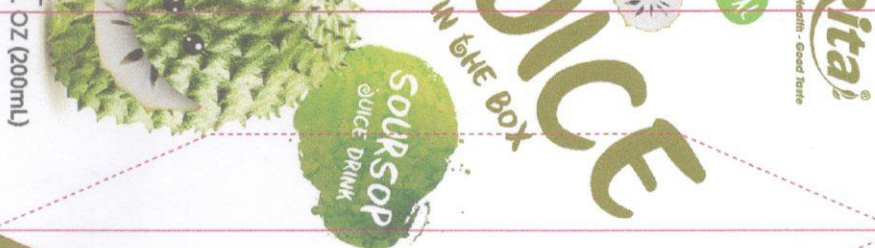
Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được công thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chỉ Định Thử Nghiệm Thực An Chấn Nướ (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm

21mm 8mm

102mm

8mm 21mm



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 ml NUTRITION INFORMATION PER 100ml			
Năng lượng / Calories 46			
% Giá trị hàng ngày % Daily Values			
Tổng béo / Total Fat 0g	0%	Tổng đường / Total Sugars 11g	2%
Chất béo bão hòa / Saturated Fat 0g	0%	Đường bổ sung / Includes Added Sugars 7g	14%
Chất béo dạng trans / Trans Fat 0g	0%	Chất đạm / Protein 0g	0%
Cholesterol / Cholesterol 0mg	0%	Vitamin D / Vitamin D 0mcg	0%
		Natri / Sodium 50mg	2%
		Total Carbohydrate 11.5g	4%
		Chất xơ / Dietary Fiber 0g	0%
		Vitamin C / Vitamin C 38mg	42%
		Calcium / Calcium 6mg	0%
		Sắt / Iron 0mg	0%
		Kali / Potassium 5mg	0%



Thế tích thực: 200 ml

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 ml
NUTRITION INFORMATION PER 100ml

Năng lượng / Calories 46
% Giá trị hàng ngày % Daily Values
Tổng béo / Total Fat 0g 0%
Chất béo bão hòa / Saturated Fat 0g 0%
Chất béo dạng trans / Trans Fat 0g 0%
Cholesterol / Cholesterol 0mg 0%
Natri / Sodium 50mg 2%
Total Carbohydrate 11.5g 4%
Chất xơ / Dietary Fiber 0g 0%
Đường bổ sung / Includes Added Sugars 7g 14%
Chất đạm / Protein 0g 0%
Vitamin D / Vitamin D 0mcg 0%
Vitamin C / Vitamin C 38mg 42%
Calcium / Calcium 6mg 0%
Sắt / Iron 0mg 0%
Kali / Potassium 5mg 0%

Thành phần:
Nước, nước ép mãng cầu (30%), đường, chất điều chỉnh độ chua (E330), chất emulsifier (E320), hương mãng cầu, hương vani.

Ingredients:
Water, soursop juice (30%), sugar, citric acid, ascorbic acid, soursop flavor.

Phân phối bởi: CÔNG TY THỰC PHẨM VÀ NÓNG RITA
Số 8 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2,
P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Sản xuất tại / Manufactured by:
CÔNG TY THỰC PHẨM VÀ NÓNG RITA
Số 8 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2,
P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

6.7 FL. OZ.

4.867mm

2mm 3mm 1mm

24.5mm

40.5mm

44mm

40.5mm

19.5mm 5

1mm

